

Bản án số: 149/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đồi
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Võ Hoàng V, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Thường trú: Số 118/42/51A H, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Phương L trình bày: Chị và anh Võ Hoàng V chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh V chỉ biết ăn chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, dù đã cho cơ hội nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Anh chị đã ly thân từ tháng 11

năm 2019 đến nay. Chị đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn anh V sau đó rút đơn cho anh V có cơ hội sửa đổi nhưng anh V vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu ly hôn anh Võ Hoàng V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Huyền A, sinh ngày 18/9/2018. Từ khi ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Hoàng V trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Phương L về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn và con chung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, thỉnh thoảng cũng có phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị L đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Con chung hiện nay đang sống với mẹ. Trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung là Võ Huyền A, sinh ngày 18/9/2018, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không có tạo lập tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Phương L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Võ Hoàng V; anh V hiện đang tạm trú tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương L và anh Võ Hoàng V chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M nên

hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị L và anh V phát sinh mâu thuẫn, nên anh chị sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Chị L cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên kiên quyết ly hôn với anh V. Ngược lại anh V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng còn có thể khắc phục được nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị L trình bày trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Anh V cũng xác nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau và sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, anh V cũng không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, trong khi chị L xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh V nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Mặt khác, tháng 12 năm 2019 chị L nộp đơn tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh V sau đó rút đơn đến tháng 3 năm 2020 khởi kiện lại, cho thấy chị L và anh V vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh, anh V cũng không tìm ra được phương hướng đoàn tụ, dù đã cố gắng nhưng anh chị không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa chị L và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Chị L và anh V thống nhất có 01 con chung tên Võ Huyền A, sinh ngày 18/9/2018. Từ khi ly thân đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị L và anh V đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, từ khi chị L và anh V xa nhau đến nay, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Mặt khác, con chung hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và là con gái, cần sự chăm sóc, gần gũi với mẹ hơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh V thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị Phương L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương L đối với anh Võ Hoàng V về việc “Ly hôn”.

Chị Lê Thị Phương L được ly hôn với anh Võ Hoàng V.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Phương L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Võ Huyền A, sinh ngày 18/9/2018. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L không yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004837 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã M;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hải An

